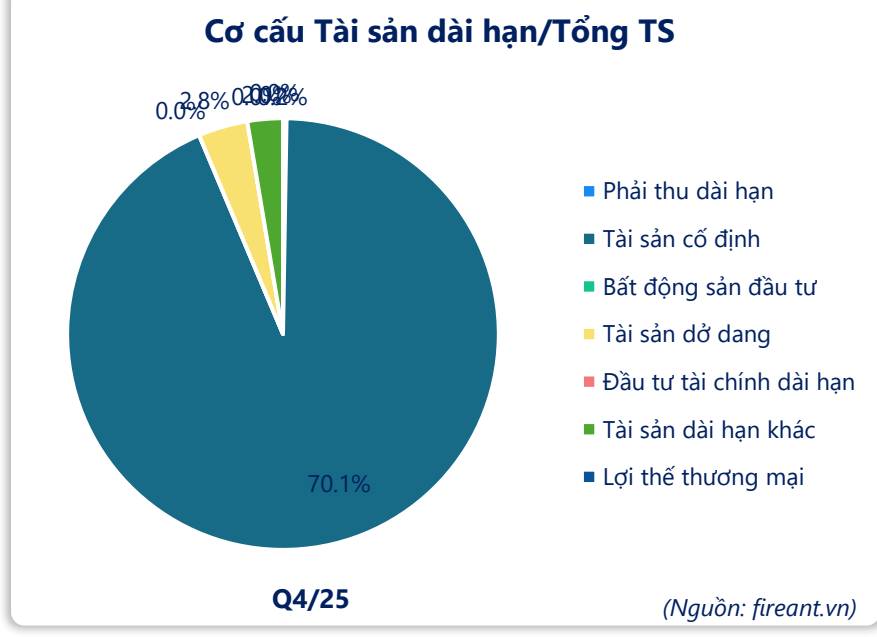
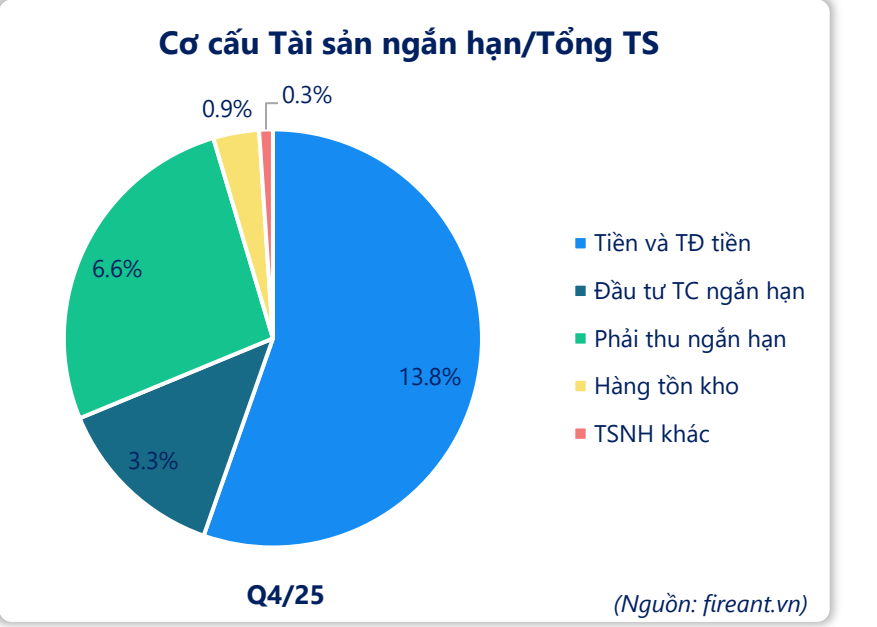
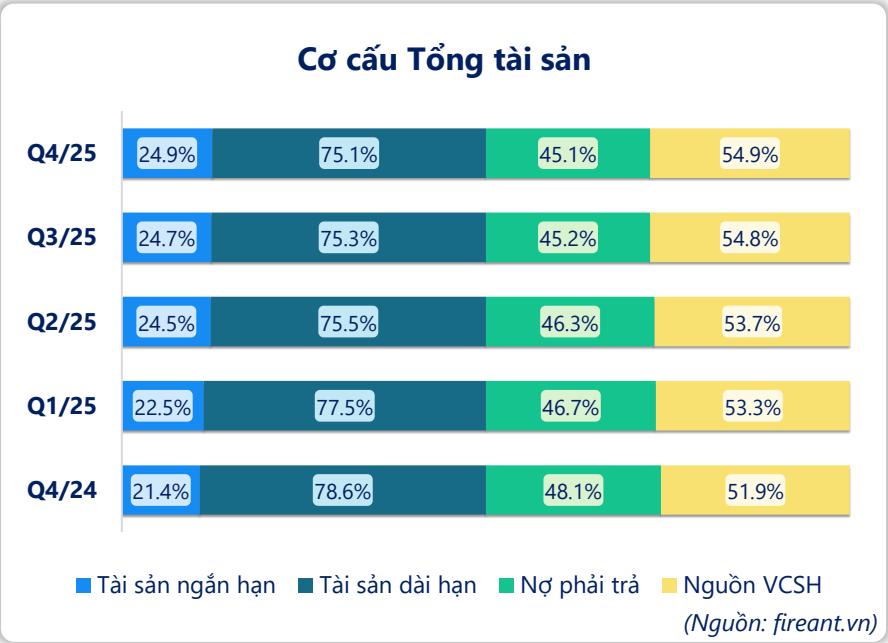
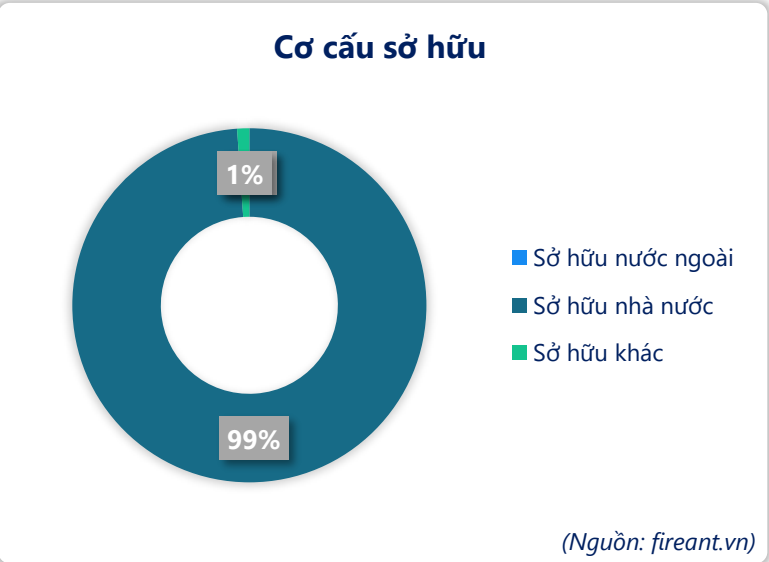
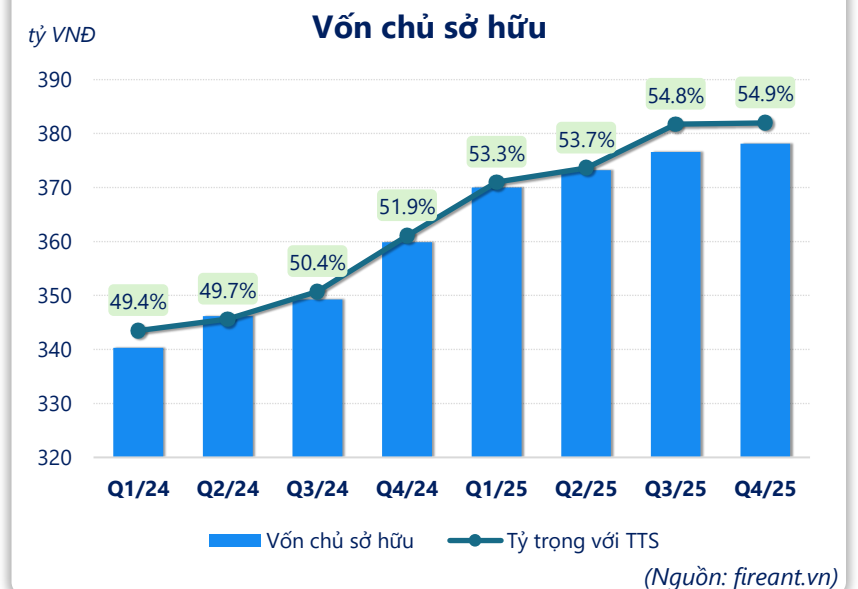
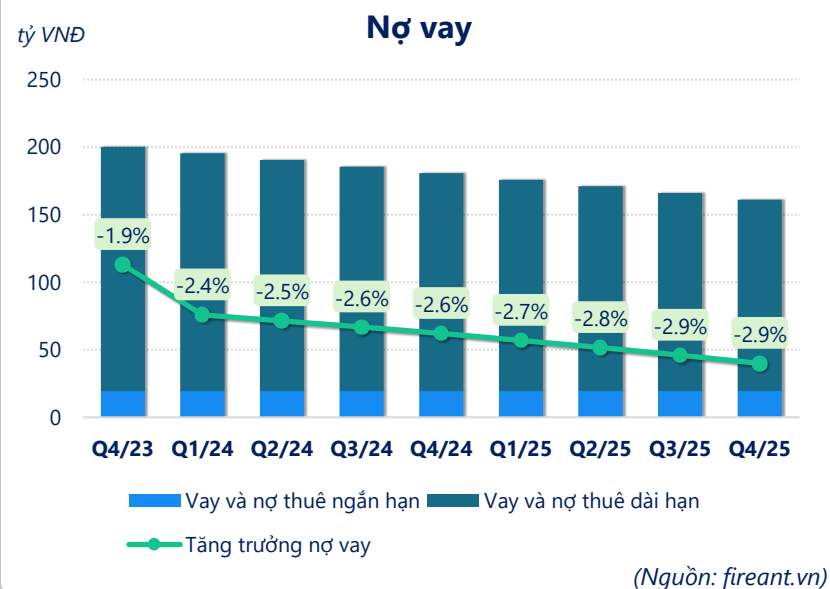
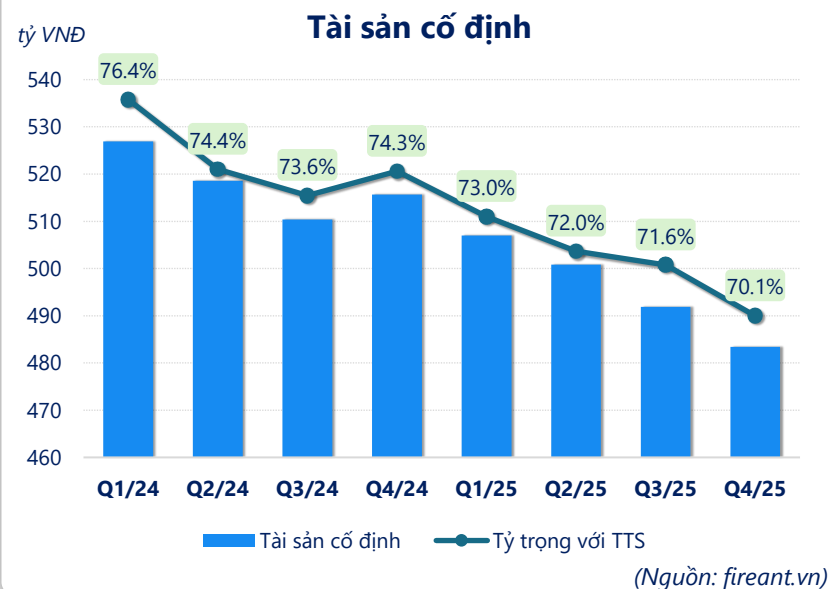
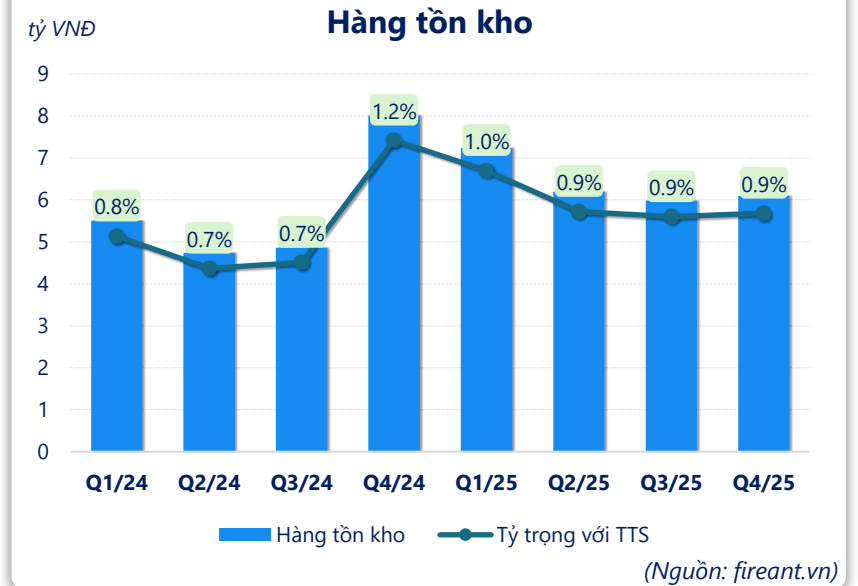
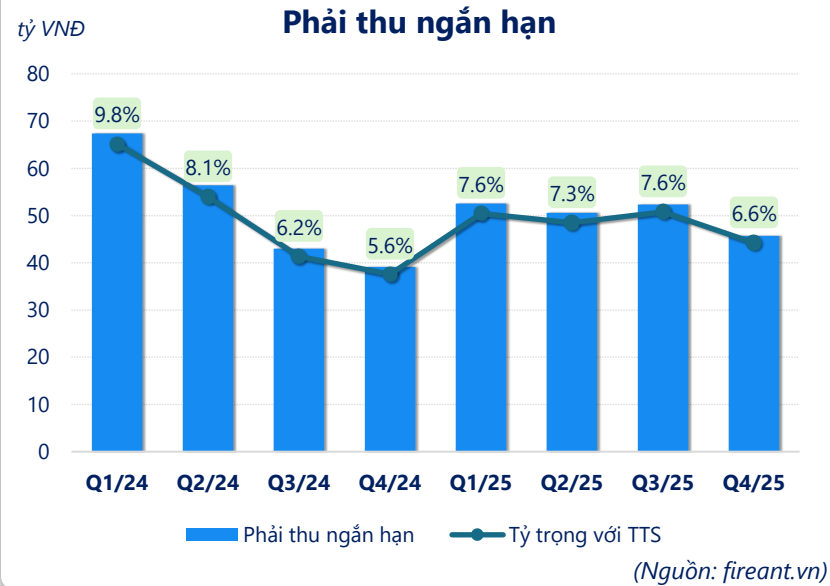
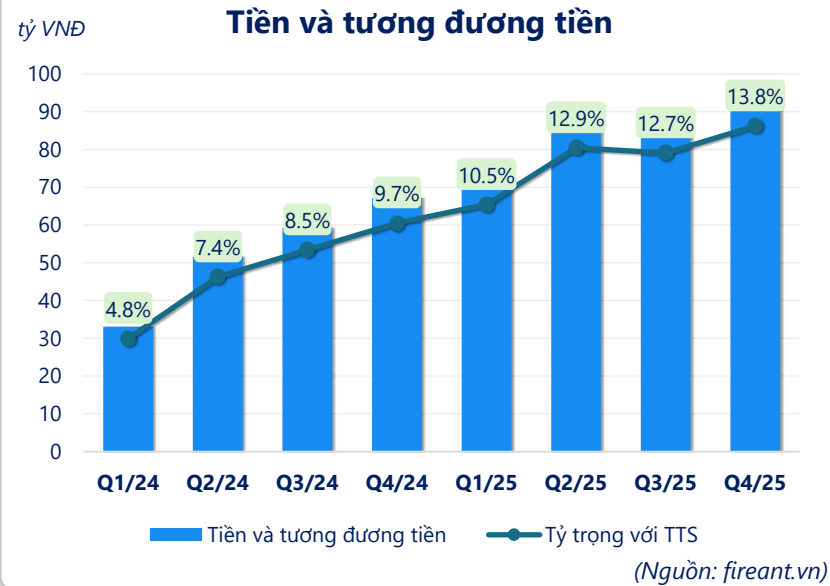
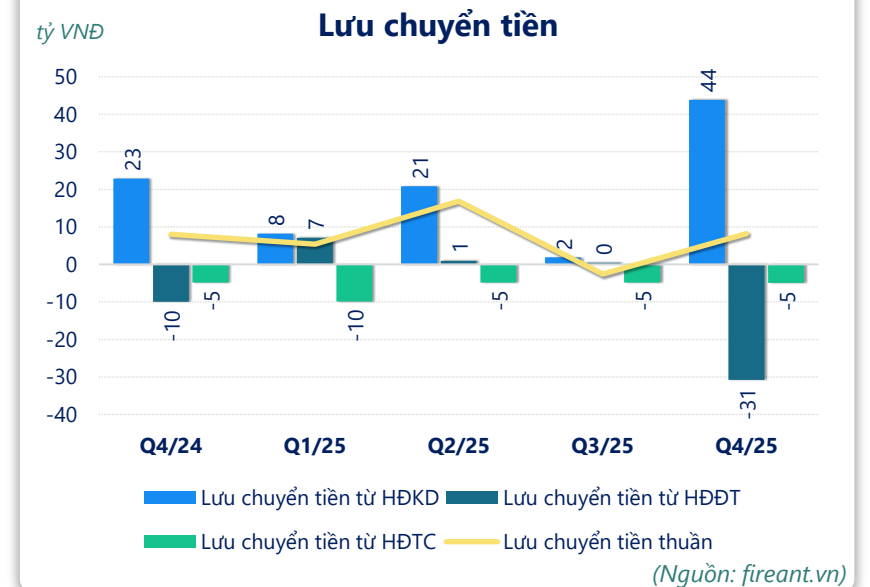
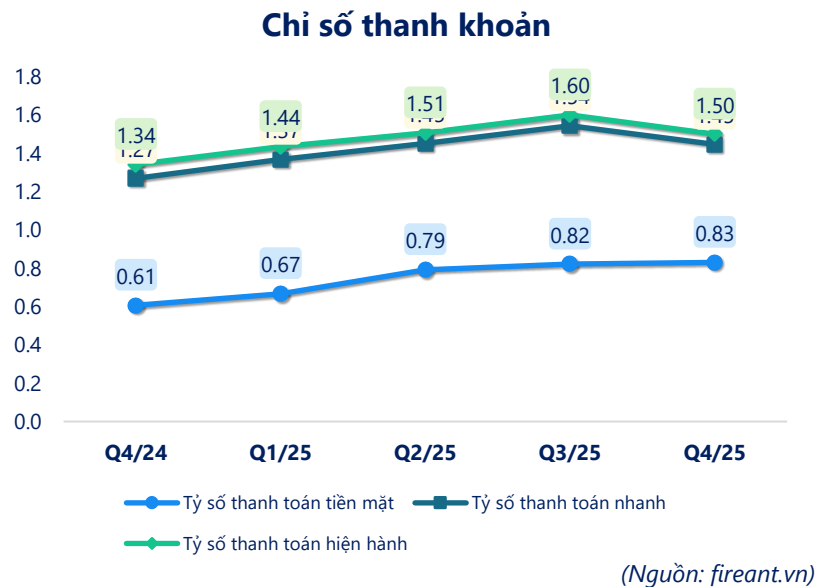
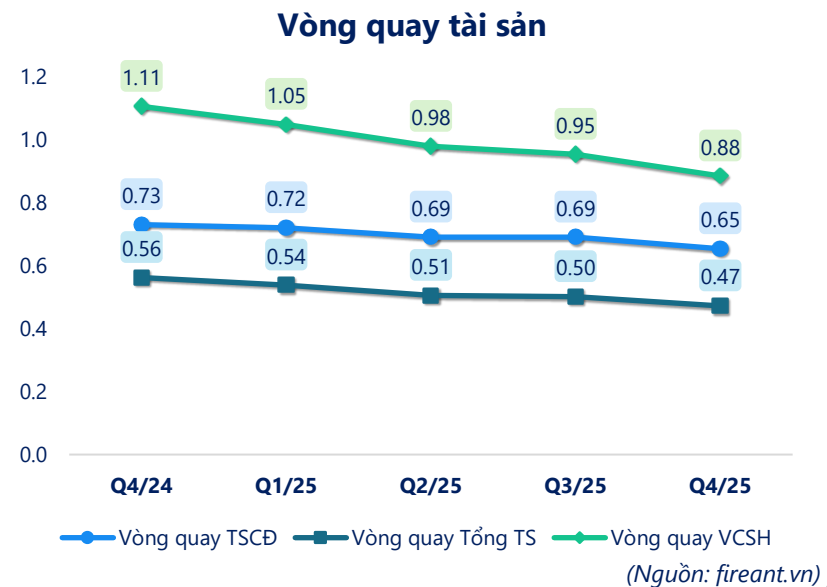
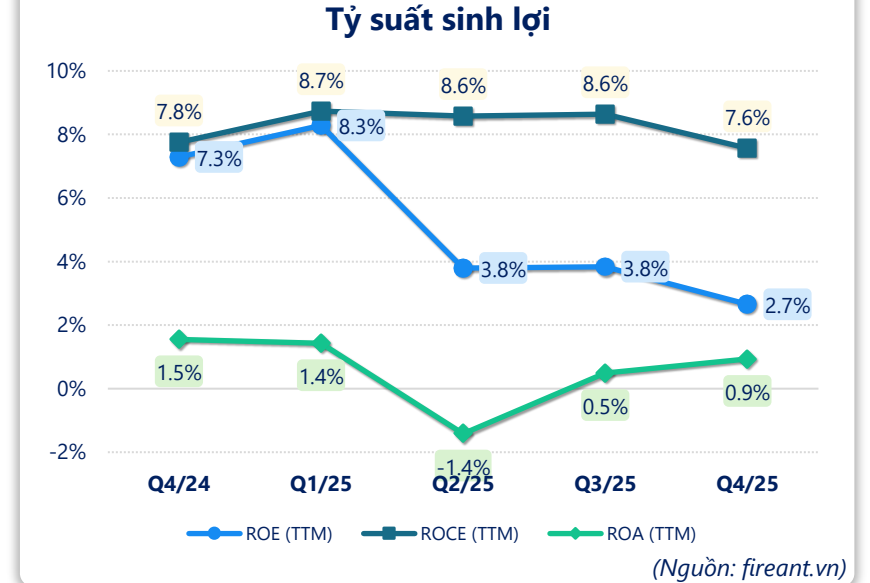
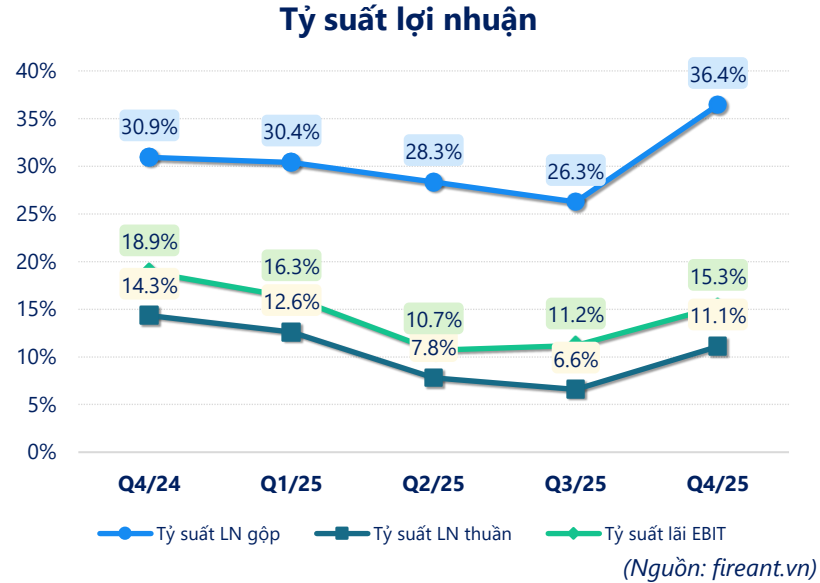
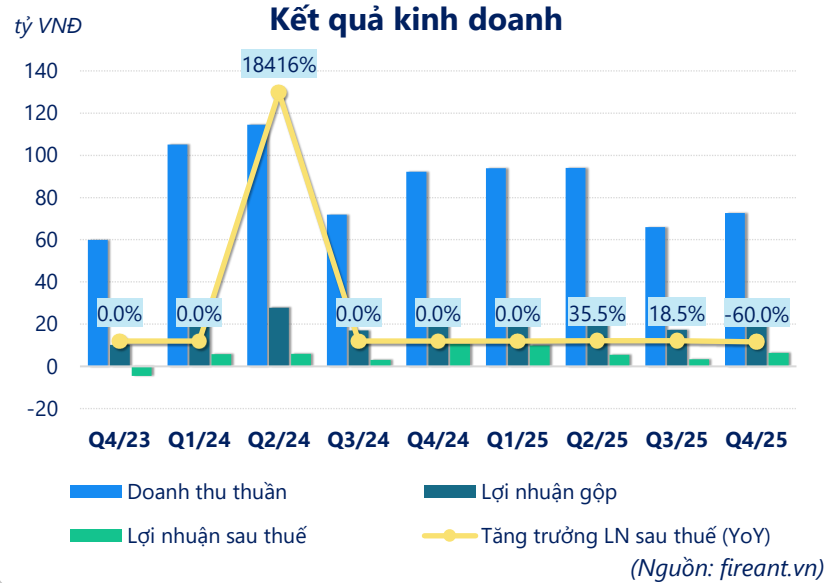


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
SL cổ phiếu LH		32,405,415
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		259
P/E		26.5
EPS		302

	YTD	1T	3T	6T
CMP	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	689	693	-0.6%
Tài sản ngắn hạn	172	148	15.9%
Tiền và tương đương tiền	95.1	67.3	41.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.0	33.0	-30.3%
Phải thu ngắn hạn	45.7	38.6	18.4%
Hàng tồn kho	6.09	8.01	-23.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.82	1.28	42.4%
Tài sản dài hạn	518	545	-5.1%
Phải thu dài hạn	1.37	3.54	-61.4%
Tài sản cố định	483	516	-6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	19.2	12.7	50.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	13.7	13.2	3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	311	333	-6.6%
Nợ ngắn hạn	114	110	4.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.5	19.5	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	7.63	41.4%
Nợ dài hạn	197	223	-11.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	142	161	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	378	360	5.0%
Vốn chủ sở hữu	378	360	5.0%
Vốn điều lệ	324	324	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	92.3	93.8	94.0	65.9	72.7
Giá vốn hàng bán	63.7	65.3	67.4	48.6	46.2
Lợi nhuận gộp	28.5	28.5	26.7	17.3	26.5
Doanh thu HĐTC	0.33	0.17	0.63	0.21	0.96
Chi phí TC	4.19	3.20	3.15	3.10	3.04
Chi phí lãi vay	4.19	3.20	3.15	3.10	3.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.12	0.78	0.71	0.35	0.35
Chi phí QLDN	10.3	12.9	16.1	9.73	16.0
LN thuần từ HĐKD	13.2	11.8	7.33	4.34	8.07
Lợi nhuận khác	0.00	0.22	-0.42	-0.05	-0.02
LN trước thuế	13.2	12.1	6.91	4.29	8.05
Lợi nhuận sau thuế	10.6	9.86	5.42	3.36	6.44
LNST của CĐ cty mẹ	10.6	9.86	-9.86	3.36	6.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	8.15	20.8	1.87	43.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.98	7.11	0.91	0.44	-30.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.89	-9.89	-4.89	-4.89	-4.94
Tiền đầu kỳ	59.2	67.3	72.7	89.5	86.9
Lưu chuyển tiền thuần	8.02	5.38	16.8	-2.57	8.17
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.00	0.01	0.01	0
Tiền cuối kỳ	67.2	72.7	89.5	86.9	95.1

(Nguồn: fireant.vn)